



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01721/2025/PKQ/25.534)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER		
Địa chỉ:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Vị trí quan trắc:	KT1: Tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói lò hơi Tương ứng với ống khói thải chung (sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01 và lò hơi số 02)		
Tọa độ:	X=2333847, Y=559679		
Loại mẫu:	Khí thải	Mã hóa mẫu: 250617.KT-008	
Ngày lấy mẫu:	17/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 17/06/2025 đến ngày 27/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT-001	Giới hạn (Nồng độ Cmax)
1	Nhiệt độ	SOP/VEC/QT/KT.01	°C	154,46	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	14.956,8	-
3	Áp suất	SOP/VEC/QT/KT.01	mBar	1.011,5	-
4	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<15,0(LOQ=15,0)	180
5	Cacbon oxit, CO	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	1,368	900
6	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	14,672	450
7	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	3,258	765

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp= 0,9 và Kv =1,0);
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);
- Dấu (-): là không quy định;

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 06 năm 2025



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01722/2025/PKQ/25.534)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER		
Địa chỉ:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Vị trí quan trắc:	MB: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải		
Tọa độ:	X=2333711, Y=559704		
Loại mẫu:	Bùn thải	Mã hóa mẫu: 250617.MB-001	
Ngày lấy mẫu:	17/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 17/06/2025 đến ngày 27/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				MB-001	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở (ppm)
1	Asen (As)	TCVN 8467:2010	mg/Kg	KPH(MDL=0,05)	40
2	Đồng(Cu)	TCVN 6496:2009	mg/Kg	19,52	100
3	Cadimi (Cd)	US EPA Method 7010	mg/Kg	KPH(MDL=0,005)	10
4	Chì (Pb)	US EPA Method 7010	mg/Kg	9,3	300
5	Kẽm (Zn)	US EPA Method 7010	mg/Kg	1.156,28	5.000
6	Niken (Ni)	US EPA Method 7010	mg/Kg	10,31	1.400
7	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	mg/Kg	KPH(MDL=0,05)	4

Ghi chú:

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp).

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01720/2025/PKQ/25.534)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER	
Địa chỉ:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Vị trí quan trắc:	NT1: Sau hệ thống xử lý nước thải tại điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Tân Chi.	
Tọa độ:	X=2333712, Y=559665	
Loại mẫu:	Nước thải	Mã hóa mẫu: 250617.NT-007
Ngày lấy mẫu:	17/06/2025	
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 17/06/2025 đến ngày 27/06/2025	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 12 MT:2015 /BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT-001	C _{max} (K _q =0,9, K _f =1,1)	C _{max} (K _q =0,9, K _f =1,0)
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	36,4	40	40
2	Độ màu	TCVN 6185C:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	20,7	49,5	49,5
3	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 - 9	6 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	20,3	27	27
5	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	44	74,25	74,25
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	<12,0 (LOQ=12,0)	49,5	49,5
7	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,0045
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,09
10	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,045
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/L	<0,9 (LOQ=0,9)	-	4,5
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,22	-	4,5
13	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	9,4	-	18
14	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	KPH(MDL=0,02)	-	3,6
15	Tổng coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	110	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, K_q = 0,9 và K_f = 1,0) và QCVN 12 MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (Cột A, K_q = 0,9 và K_f = 1,1);
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp).
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp).

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông A Huân

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.